XÂY DỰNG LỘ TRÌNH CHIẾN LƯỢC ÁP DỤNG CHUẨN MỰC IFRS S2 TẠI CÁC DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

TS. Đào Mạnh Huy* - PGS.TS. Ngô Thị Thu Hồng**

Nghiên cứu này xây dựng một lộ trình chiến lược toàn diện cho việc áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế S2 (IFRS S2) tại các doanh nghiệp Việt Nam. Việc ban hành IFRS S2 đã tạo ra một yêu cầu cấp thiết về minh bạch thông tin tài chính liên quan đến khí hậu. Tuy nhiên, các doanh nghiệp tại những thị trường mới nổi như Việt Nam phải đối mặt với nhiều thách thức đáng kể trong quá trình triển khai. Các rào cản này bao gồm sự thiếu hụt về năng lực chuyên môn, hệ thống dữ liệu chưa hoàn thiện và một khung pháp lý chưa đồng bộ. Bằng phương pháp tổng hợp các thông lệ quốc tế và phân tích sâu sắc bối cảnh đặc thù của Việt Nam, bài viết đề xuất một lộ trình có cấu trúc theo từng giai đoạn cụ thể. Lộ trình này tập trung vào bốn trụ cột chính: quản trị, chiến lược, quản lý rủi ro, và các chỉ số cùng mục tiêu. Nghiên cứu nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tiếp cận theo lộ trình khoa học, bắt đầu từ việc nâng cao nhận thức và xây dựng năng lực, tiến tới tích hợp hệ thống và công bố thông tin hoàn chỉnh. Kết quả của nghiên cứu cung cấp một khuôn khổ hữu ích cho các nhà quản trị doanh nghiệp, đồng thời đưa ra những hàm ý quan trọng cho các nhà hoạch định chính sách trong việc hoàn thiện môi trường pháp lý, qua đó thúc đẩy quá trình áp dụng hiệu quả IFRS S2 tại Việt Nam.

• Từ khóa: *IFRS S2, khí hậu, báo cáo bền vững, thị trường mới nổi, Việt Nam.*

This study develops a comprehensive strategic roadmap for the implementation of International Financial Reporting Standard S2 (IFRS S2) within Vietnamese enterprises. The issuance of IFRS S2 has created an urgent imperative for transparency in climate-related financial information. However, enterprises in emerging markets such as Vietnam face significant challenges during the implementation process. These barriers include deficiencies in professional capacity, underdeveloped data systems, and a fragmented regulatory framework. By synthesizing international best practices with an in-depth analysis of Vietnam's specific context, this paper proposes a structured, phased roadmap. This roadmap is centered on four key pillars: Governance, strategy, risk management, and metrics and targets. The research underscores the importance of a systematic approach, commencing with awareness-raising and capacity-building before progressing to system integration and full disclosure. The findings provide a valuable framework for corporate managers and offer critical implications for policymakers tasked with refining the regulatory environment, thereby facilitating the effective adoption of IFRS S2 in Vietnam.

• Key words: *IFRS S2; climate-related disclosures; sustainability reporting; emerging markets; Vietnam.*

Ngày nhận bài: 21/01/2026
Ngày gửi phản biện: 04/02/2026
Ngày duyệt đăng: 12/3/2026

DOI: https://doi.org/10.71374/jfarv.v26.i309.13

1. Giới thiệu

Bối cảnh báo cáo doanh nghiệp toàn cầu đang trải qua một giai đoạn chuyển đổi mang tính lịch sử. Sự ra đời của chuẩn mực báo cáo bền vững quốc tế IFRS S2, công bố thông tin liên quan đến khí hậu, là tâm điểm của sự chuyển đổi này. Chuẩn mực được ban hành bởi Ủy ban chuẩn mực bền vững quốc tế vào tháng 6 năm 2023. IFRS S2 thiết lập một tiêu chuẩn toàn cầu yêu cầu các tổ chức cung cấp thông tin nhất quán và có thể so sánh về các rủi ro và cơ hội liên quan đến khí hậu. Mục tiêu cốt lõi của chuẩn mực là cung cấp cho các nhà đầu tư, bên cho vay và các chủ nợ khác những thông tin hữu ích để họ đưa ra quyết định phân bổ vốn hiệu quả (IFRS Foundation, 2023a). Các nghiên cứu thực tiễn đã xác nhận rằng việc áp dụng chuẩn mực này giúp giảm thiểu thông tin bất cân xứng, từ đó nâng cao chất lượng và sự tin cậy trong các quyết định đầu tư (Shanshool et al., 2025). Yêu cầu này nhận được sự ủng hộ mạnh mẽ từ các tổ chức đầu tư có tầm ảnh hưởng lớn trên toàn cầu. Họ xem đây là công cụ thiết yếu để quản lý rủi ro và tối ưu hóa các quyết định đầu tư trong dài hạn (CalPERS, 2022). Trước khi ISSB ra đời, hệ sinh thái báo cáo bền vững bị phân mảnh bởi nhiều khuôn khổ tự nguyện khác nhau, tạo ra sự thiếu nhất quán và gánh nặng báo cáo cho các công ty đa quốc gia. IFRS S2 ra đời nhằm giải quyết thách thức này, tạo ra một ngôn ngữ chung cho thông tin khí hậu trên thị trường vốn.

** Trường Đại học Lao động - Xã hội; email: huydaomanh@ulsa.edu.com*
*** Học viện Tài chính*

Trọng tâm của chuẩn mực xoay quanh khái niệm tính trọng yếu về tài chính. Nó tập trung vào các yếu tố khí hậu có khả năng ảnh hưởng một cách hợp lý đến dòng tiền, khả năng tiếp cận tài chính hoặc chi phí vốn của doanh nghiệp trong ngắn, trung và dài hạn. Bằng cách chính thức hóa quan điểm rằng rủi ro khí hậu chính là rủi ro tài chính, IFRS S2 đã đặt thông tin khí hậu ngang hàng với thông tin tài chính truyền thống. Điều này đòi hỏi thông tin khí hậu phải có cùng một mức độ tin cậy và khả năng kiểm chứng như dữ liệu kế toán. Đối với các doanh nghiệp tại Việt Nam, một nền kinh tế có độ mở cao và phụ thuộc nhiều vào xuất khẩu cũng như vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, việc áp dụng chuẩn mực này không chỉ là một nghĩa vụ tuân thủ trong tương lai. Đây còn là một cơ hội chiến lược để tái định vị và nâng cao năng lực cạnh tranh. Một lộ trình áp dụng chủ động sẽ giúp doanh nghiệp cải thiện khả năng tiếp cận vốn quốc tế, giảm chi phí vốn và tạo dựng lợi thế bền vững trong nền kinh tế carbon thấp (IFRS Foundation, 2023a). Nhận thức được tầm quan trọng và tính phức tạp của quá trình chuyển đổi này, bài viết đề xuất một lộ trình chiến lược có cấu trúc. Lộ trình này được thiết kế để giúp các doanh nghiệp Việt Nam chuẩn bị và triển khai IFRS S2 một cách hệ thống và hiệu quả.

2. Cơ sở lý thuyết và khung khái niệm

IFRS S2 kế thừa và tích hợp toàn diện cấu trúc của lực lượng đặc nhiệm về công bố thông tin tài chính liên quan đến khí hậu (TCFD). Khung khái niệm này bao gồm bốn trụ cột chính là nền tảng cho mọi lộ trình chiến lược, mỗi trụ cột đều có cơ sở lý thuyết và hàm ý quản trị sâu sắc.

Thứ nhất là trụ cột quản trị, yêu cầu sự minh bạch về cách thức hội đồng quản trị và ban điều hành giám sát các vấn đề khí hậu. Doanh nghiệp phải công bố rõ ràng cơ cấu, quy trình và trách nhiệm giải trình từ cấp cao nhất. Từ góc độ lý thuyết, yêu cầu này trực tiếp giải quyết vấn đề ủy quyền-đại diện trong quản trị doanh nghiệp. Các nhà đầu tư (bên ủy quyền) cần sự đảm bảo rằng ban lãnh đạo (bên đại diện) đang hành động vì lợi ích dài hạn của họ bằng cách quản lý các rủi ro trọng yếu như rủi ro khí hậu (Jensen & Meckling, 1976). Hơn nữa, một cơ cấu quản trị khí hậu rõ ràng cũng đáp ứng yêu cầu từ lý thuyết các bên liên quan, vốn cho rằng doanh nghiệp phải có trách nhiệm giải trình với một nhóm đối tượng rộng hơn, không chỉ là cổ đông (Freeman, 1984). Việc thiếu một cơ chế giám sát hiệu quả từ hội đồng quản trị có thể dẫn đến việc quản lý rủi ro khí hậu một cách hời hợt và không hiệu quả.

Thứ hai là trụ cột chiến lược, yêu cầu doanh nghiệp phải giải trình cách các rủi ro và cơ hội khí hậu ảnh hưởng đến mô hình kinh doanh, chuỗi giá trị và hoạch định tài chính. Yêu cầu cốt lõi và thách thức nhất là sử dụng phân tích kịch bản để đánh giá khả năng chống chịu của chiến lược trước các tương lai khí hậu khác nhau (PwC, 2023). Phân tích kịch bản không phải là một công cụ dự báo tương lai, mà là một quy trình có cấu trúc để khám phá các kết quả tiềm năng và kiểm tra sự vững chắc của chiến lược hiện tại. Việc thực hiện phân tích này đòi hỏi doanh nghiệp phải có năng lực tư duy chiến lược và khả năng đối mặt với sự không chắc chắn. Nó giúp ban lãnh đạo xác định các điểm yếu, phát hiện các cơ hội mới và xây dựng các năng lực động để thích ứng và phát triển trong một môi trường kinh doanh thay đổi nhanh chóng (Teece et al., 1997). Việc định lượng hóa các tác động tài chính tiềm tàng là một yêu cầu quan trọng, giúp các bên liên quan hiểu rõ mức độ ảnh hưởng của khí hậu đến hiệu quả tài chính của doanh nghiệp.

Thứ ba là trụ cột quản lý rủi ro, trụ cột này tập trung vào các quy trình mà doanh nghiệp sử dụng để nhận diện, đánh giá và quản lý rủi ro khí hậu. Điều quan trọng là các quy trình này phải được tích hợp một cách chặt chẽ vào khung quản lý rủi ro tổng thể của toàn doanh nghiệp. Rủi ro khí hậu bao gồm hai loại chính. Rủi ro vật chất là những rủi ro từ các sự kiện thời tiết khắc nghiệt (cấp tính) hoặc những thay đổi dài hạn trong các kiểu khí hậu (mãn tính). Rủi ro chuyển đổi là những rủi ro liên quan đến quá trình chuyển đổi sang một nền kinh tế carbon thấp, bao gồm các thay đổi về chính sách, công nghệ, thị trường và uy tín (TCFD, 2017). Việc tích hợp các rủi ro này vào ERM đảm bảo rằng chúng được quản lý với cùng một mức độ nghiêm ngặt và nhất quán như các rủi ro tài chính, hoạt động và chiến lược khác (Deloitte, 2023).

Cuối cùng là trụ cột các chỉ số và mục tiêu. Để định lượng hóa hiệu suất, doanh nghiệp phải công bố các chỉ số cụ thể. Yêu cầu quan trọng nhất là báo cáo phát thải khí nhà kính theo cả ba phạm vi. Scope 1 là phát thải trực tiếp từ các nguồn thuộc sở hữu hoặc kiểm soát của công ty. Scope 2 là phát thải gián tiếp từ việc mua điện, hơi nước, nhiệt và làm mát. Scope 3 là tất cả các phát thải gián tiếp khác xảy ra trong chuỗi giá trị của công ty, cả thượng nguồn và hạ nguồn (GHG Protocol, 2011). Việc thu thập dữ liệu Scope 3 là thách thức lớn nhất do sự phức tạp và sự phụ thuộc vào dữ liệu từ các đối tác bên ngoài. Tuy nhiên, đối với nhiều ngành, đây lại là nguồn phát

thải lớn nhất và phản ánh đầy đủ nhất rủi ro chuyển đổi của doanh nghiệp. Ngoài ra, việc sử dụng giá carbon nội bộ như một công cụ quản lý và công bố vốn đầu tư cho các hoạt động khí hậu cũng là những yêu cầu quan trọng (IFRS Foundation, 2023b).

3. Bối cảnh và thách thức tại Việt Nam

Bộ Tài chính Việt Nam đã thể hiện cam kết hội nhập quốc tế thông qua việc ban hành quyết định 345/QĐ-BTC, phê duyệt "Đề án áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế tại Việt Nam". Lộ trình này vạch ra các giai đoạn áp dụng tự nguyện từ 2022 đến 2025 và bắt buộc sau năm 2025 đối với các chuẩn mực kế toán IFRS. Tuy nhiên, lộ trình hiện tại chủ yếu tập trung vào các chuẩn mực kế toán. Hiện vẫn chưa có một lộ trình chính thức riêng biệt cho các chuẩn mực báo cáo bền vững như IFRS S2. Khoảng trống chính sách này tạo ra một bối cảnh đặc thù cho các doanh nghiệp Việt Nam.

Là một quốc gia có độ mở kinh tế cao, phụ thuộc nhiều vào thương mại quốc tế và vốn FDI, Việt Nam chịu ảnh hưởng sâu sắc từ các xu hướng toàn cầu. Các doanh nghiệp Việt Nam là một mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng của nhiều tập đoàn đa quốc gia. Điều này tạo ra một áp lực gián tiếp nhưng mạnh mẽ. Các tập đoàn này, khi phải tuân thủ các quy định khắt khe tại thị trường của họ như chỉ thị báo cáo bền vững doanh nghiệp của liên minh Châu Âu, sẽ yêu cầu các nhà cung cấp của mình, bao gồm cả các doanh nghiệp Việt Nam, phải cung cấp dữ liệu phát thải và các thông tin bền vững khác. Do đó, việc áp dụng IFRS S2 không chỉ là lựa chọn mà dần trở thành một yêu cầu để duy trì khả năng cạnh tranh và tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Tuy nhiên, việc triển khai sẽ đối mặt với nhiều thách thức mang tính hệ thống. Các nghiên cứu tại các thị trường mới nổi cho thấy những khó khăn phổ biến, bao gồm sự thiếu chuẩn bị của doanh nghiệp, thiếu dữ liệu và phương pháp luận được tiêu chuẩn hóa (Wahyuni et al., 2024). Một nghiên cứu thực tiễn rất phù hợp tại Ghana đã chỉ ra một khoảng trống lớn giữa nhận thức và năng lực. Mặc dù nhận thức chung về các chuẩn mực mới là khá cao, kiến thức chi tiết và chuyên môn kỹ thuật để triển khai lại thấp hơn đáng kể (Koranteng et al., 2024). Tình huống này rất có thể tương tự tại Việt Nam, nơi các doanh nghiệp có thể hiểu tầm quan trọng của báo cáo khí hậu nhưng lại thiếu nguồn lực và chuyên gia để thực hiện. Thực tế cho thấy, những thách thức trong việc tuân thủ IFRS S2 không phải là vấn đề riêng biệt của các thị trường mới nổi mà còn hiện hữu ngay cả tại các quốc gia phát triển. Minh chứng là một nghiên cứu tại Úc của Jubb và Liu (2024) đã kết luận rằng phần lớn các doanh nghiệp niêm yết vẫn chưa hoàn toàn sẵn sàng để đáp ứng các quy định khắt khe của chuẩn mực này. Nghiên cứu này chỉ ra các khoảng trống năng lực đáng kể trong việc thực hiện phân tích kịch bản khí hậu và lượng hóa các tác động tài chính. Nếu các doanh nghiệp tại một thị trường đã có nhiều kinh nghiệm về báo cáo TCFD còn gặp khó khăn, thì mức độ thách thức đối với các doanh nghiệp Việt Nam, vốn có điểm xuất phát thấp hơn, sẽ còn lớn hơn đáng kể. Đặc biệt, việc thu thập dữ liệu phát thải Scope 3 được xác định là trở ngại chung lớn nhất, đòi hỏi sự đầu tư đáng kể vào công nghệ, quy trình và hợp tác trong chuỗi giá trị (Jubb & Liu, 2024). Do đó, những doanh nghiệp Việt Nam cần chủ động xây dựng lộ trình áp dụng ngay từ bây giờ sẽ nắm bắt được lợi thế đi đầu. Họ có thể nâng cao uy tín, thu hút dòng vốn đầu tư có trách nhiệm và củng cố vị thế cạnh tranh.

4. Đề xuất lộ trình chiến lược

Để chuyển đổi một cách hiệu quả, doanh nghiệp cần một cách tiếp cận theo từng giai đoạn. Lộ trình chiến lược dưới đây được đề xuất gồm ba giai đoạn chính, giúp doanh nghiệp xây dựng năng lực một cách bài bản và bền vững.

Giai đoạn đầu tiên, kéo dài từ sáu đến mười hai tháng, tập trung vào việc xây dựng nền tảng và nhận thức. Mục tiêu chính là tạo ra sự đồng thuận trong nội bộ và hiểu rõ quy mô của thách thức. Quá trình này bắt đầu bằng việc đào tạo chuyên sâu cho hội đồng quản trị và ban điều hành về các yêu cầu của IFRS S2, các tác động chiến lược và vai trò giám sát của họ. Sự am hiểu và cam kết của lãnh đạo là yếu tố tiên quyết cho thành công. Tiếp theo, việc thành lập một ban chỉ đạo đa chức năng là cần thiết, bao gồm đại diện từ các phòng ban chủ chốt như tài chính, quản lý rủi ro, chiến lược và vận hành. Giai đoạn này kết thúc bằng một phân tích khoảng trống toàn diện, đánh giá hiện trạng của công ty so với các yêu cầu của IFRS S2 trên cả bốn trụ cột. Phân tích này nên đi kèm với một đánh giá trọng yếu ban đầu để xác định các rủi ro và cơ hội khí hậu có ảnh hưởng tài chính lớn nhất đến tổ chức. Kết quả của giai đoạn này là một bản đồ chi tiết về những thiếu hụt và một kế hoạch hành động cụ thể.

Giai đoạn thứ hai, với thời gian dự kiến từ mười hai đến mười tám tháng, chuyển trọng tâm sang xây dựng hệ thống và quy trình. Giai đoạn này tập trung vào việc thiết lập các cấu trúc và quy trình cần

thiết để thu thập, quản lý và báo cáo thông tin một cách có hệ thống. Dựa trên kết quả phân tích, doanh nghiệp cần chính thức hóa vai trò và trách nhiệm về các vấn đề khí hậu trong các văn bản quản trị. Song song đó, việc tích hợp rủi ro khí hậu vào khung quản lý rủi ro doanh nghiệp hiện có là một bước đi chiến lược. Doanh nghiệp cũng cần bắt đầu thử nghiệm các phương pháp phân tích kịch bản để đánh giá khả năng chống chịu của chiến lược kinh doanh. Thách thức lớn nhất trong giai đoạn này là xây dựng hệ thống thu thập và quản lý dữ liệu. Doanh nghiệp cần ưu tiên đo lường phát thải GHG Scope 1 và 2, đồng thời lên kế hoạch làm việc với các đối tác trong chuỗi giá trị để thu thập dữ liệu Scope 3. Việc phát triển các quy trình kiểm soát nội bộ đối với báo cáo bền vững cũng nên được bắt đầu trong giai đoạn này để đảm bảo tính chính xác và tin cậy của dữ liệu.

Giai đoạn cuối cùng là triển khai, báo cáo và cải tiến liên tục. Giai đoạn này đưa các hệ thống đã xây dựng vào vận hành và tạo ra một chu trình học hỏi không ngừng. Dựa trên dữ liệu đã thu thập và chiến lược của công ty, doanh nghiệp cần thiết lập các mục tiêu khí hậu cụ thể, có thể đo lường và có thời hạn rõ ràng. Trước khi phải báo cáo chính thức, việc chuẩn bị một báo cáo thử nghiệm theo IFRS S2 là một bước đi khôn ngoan. Việc này giúp nhận diện các vấn đề trong quy trình và kiểm tra tính nhất quán của dữ liệu. Để tăng cường độ tin cậy, doanh nghiệp nên xem xét việc thuê một bên thứ ba độc lập để thực hiện đảm bảo cho các thông tin bền vững được công bố. Cuối cùng, một chu trình rà soát hàng năm phải được thiết lập. Việc này giúp doanh nghiệp cập nhật các đánh giá rủi ro, theo dõi tiến độ thực hiện mục tiêu và liên tục cải tiến chất lượng thông tin công bố. Lộ trình này phù hợp với các khuyến nghị từ nghiên cứu thực tiễn tại các thị trường mới nổi, nhằm đảm bảo một quá trình chuyển đổi hiệu quả và bền vững (Koranteng et al., 2024).

5. Kết luận và hàm ý

Sự ra đời của IFRS S2 đánh dấu một sự thay đổi cơ bản và không thể đảo ngược trong kỳ vọng của thị trường vốn toàn cầu. Việc công bố thông tin khí hậu không còn là hoạt động mang tính hình ảnh. Nó đã trở thành một yêu cầu cốt lõi, được thiết kế để cung cấp thông tin đầu vào quan trọng cho các quyết định phân bổ vốn trên thị trường (IFRS Foundation, 2023b). Việc cung cấp thông tin đáng tin cậy này được chứng minh là giúp thị trường định giá rủi ro khí hậu chính xác hơn, từ đó dẫn đến việc phân bổ vốn hiệu quả hơn trong toàn nền kinh tế (Shanshool et al., 2025). Đối với các doanh nghiệp Việt Nam, việc coi IFRS S2 không phải là một gánh nặng tuân thủ mà là một khuôn khổ để tư duy chiến lược sẽ mở ra nhiều cơ hội. Một lộ trình áp dụng chủ động và bài bản sẽ giúp doanh nghiệp nâng cao khả năng chống chịu, xác định các cơ hội kinh doanh mới trong nền kinh tế carbon thấp, và củng cố niềm tin với nhà đầu tư. Hành động ngay từ bây giờ là một khoản đầu tư chiến lược. Nó giúp đảm bảo sự thành công và tạo ra giá trị bền vững trong một tương lai đầy biến động.

Bài viết này mang lại một số hàm ý quan trọng. Đối với các nhà quản lý doanh nghiệp, lộ trình được đề xuất cung cấp một khuôn khổ hành động rõ ràng để chủ động thích ứng, thay vì chờ đợi các quy định bắt buộc. Đối với các nhà hoạch định chính sách tại Việt Nam, cần sớm có các hướng dẫn cụ thể về việc áp dụng các chuẩn mực báo cáo bền vững IFRS. Việc này bao gồm cả việc xây dựng năng lực cho thị trường và tạo ra một môi trường pháp lý rõ ràng. Đối với các cơ sở giáo dục, cần cập nhật chương trình đào tạo kế toán, kiểm toán và tài chính để trang bị cho thế hệ nhân lực tương lai những kiến thức và kỹ năng cần thiết. Đối với các nhà nghiên cứu, cần có thêm các nghiên cứu định lượng về chi phí và lợi ích của việc áp dụng IFRS S2 trong bối cảnh cụ thể của Việt Nam, cũng như các nghiên cứu tình huống về các doanh nghiệp tiên phong.

Tài liệu tham khảo:

CalPERS. (2022, July 27). Re: Exposure Draft IFRS S2 Climate-related Disclosures. California Public Employees' Retirement System. https://www.calpers.ca.gov/docs/comment-faber-lloyd-climate-related-disclosures-july-27-2022.pdf

Deloitte. (2023). A closer look at the final IFRS Sustainability Disclosure Standards. IAS Plus. https://www.iasplus.com/en/publications/global/a-closer-look/2023/ifrs-sustainability-disclosure-standards

Freeman, R. E. (1984). Strategic management: A stakeholder approach. Pitman, Boston.

GHG Protocol. (2011). Corporate value chain (Scope 3) accounting and reporting standard. World Resources Institute & World Business Council for Sustainable Development.

IFRS Foundation. (2023a). Effects analysis: IFRS S1 General Requirements for Disclosure of Sustainability-related Financial Information and IFRS S2 Climate-related Disclosures. https://www.ifrs.org/content/dam/ifrs/project/general-sustainability-related-disclosures/effects-analysis.pdf

IFRS Foundation. (2023b). IFRS S2 Climate-related Disclosures. IFRS Foundation. https://www.ifrs.org/issued-standards/ifrs-sustainability-standards-navigator/ifrs-s2-climate-related-disclosures/

Jensen, M. C., & Meckling, W. H. (1976). Theory of the firm: Managerial behavior, agency costs and ownership structure. Journal of Financial Economics, 3(4), 305-360. https://doi.org/10.1016/0304-405X(76)90026-X

Koranteng, F. S., Amoah, N., Addo, A., Agyemang, K., & Gbadago, F. (2024). IFRS S1 and S2 implementation readiness in emerging markets: A multi-dimensional assessment framework and market readiness index. Journal of Financial Reporting and Accounting. Advance online publication. https://doi.org/10.1108/JFRA-12-2024-0921

PwC. (2023). IFRS S1 and IFRS S2: A new era in sustainability reporting. PwC. https://www.pwc.com/gx/en/services/audit-assurance/ifrs-reporting/issb-sustainability-reporting.html

Shanshool, M. H. M., Al-Karawi, A. M. Y., & Al-Zubaidi, T. H. A. (2025). The impact of applying IFRS S2 in improving investment decisions. In B. Alareeni & A. Hamdan (Eds.), Leveraging advanced technologies: Business model innovation and the future (Lecture Notes in Networks and Systems, Vol. 1574, pp. 353-361). Springer. https://doi.org/10.1007/978-3-032-00447-5_34

Task Force on Climate-related Financial Disclosures. (2017). Final report: Recommendations of the Task Force on Climate-related Financial Disclosures. TCFD. https://www.fsb-tcfd.org/publications/

Teece, D. J., Pisano, G., & Shuen, A. (1997). Dynamic capabilities and strategic management. Strategic Management Journal, 18(7), 509-533. https://doi.org/10.1002/(SICI)1097-0266(199708)18:7<509::AID-SMJ882>3.0.CO;2-Z

Wahyuni, P. D. (2025). The role of IFRS S1 and S2 in enhancing transparency and accountability of ESG reports: A systematic review. Asian Journal of Economics, Business and Accounting, 25(1), 1-15. https://doi.org/10.9734/ajeba/2025/v25i11628

Jubb, C., & Liu, Z. (2024). Report on Australian listed companies' readiness for IFRS S2 climate-related disclosures (AASB Research Centre Working Paper No. 24-01). SSRN. https://doi.org/10.2139/ssrn.4744219